

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01/03/2018)
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiến	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/03/2018)
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM



Phạm Thị Cẩm Anh

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 09/UQCT ngày 16/06/2017)

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Số: 228 -18/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015 và Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2016 với giá trị 6.000.000.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quãng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011 với số dư tại ngày 31/12/2017 là 11.347.160.000 đồng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để đánh giá giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập. Do đó, chúng tôi

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu nêu trên hay không.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào và chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty này nếu có. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đánh giá giá trị của khoản đầu tư nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Phạm Ngọc Toán
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		457.292.333.208	283.456.199.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	157.534.402.495	18.626.978.203
1. Tiền	111		157.089.373.592	18.201.978.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		445.028.903	425.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.766.654.179	187.364.681.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	195.442.142.989	161.037.603.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.352.470.914	3.957.341.588
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	57.600.000.000	56.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	26.397.596.176	27.095.292.281
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	73.975.188.396	77.433.106.968
1. Hàng tồn kho	141		73.975.188.396	77.433.106.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.088.138	31.433.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	16.088.138	31.433.174
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.162.720.601	255.877.597.049
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.246.400.113	11.537.075.394
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	15.246.400.113	11.537.075.394
- Nguyên giá	222		32.705.823.304	26.111.753.499
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.459.423.191)	(14.574.678.105)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12.	2.000.000.000	2.000.000.000
- Nguyên giá	231		2.000.000.000	2.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.119.055.511	3.112.934.951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	3.119.055.511	3.112.934.951
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	213.255.955.612	206.612.475.612
1. Đầu tư vào công ty con	251		179.976.580.000	177.833.100.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.800.000.000	26.300.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.541.309.365	32.615.111.092
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	32.541.309.365	32.615.111.092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		723.455.053.809	539.333.796.905

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		454.219.484.351	261.061.692.474
I. Nợ ngắn hạn	310		448.631.959.171	258.288.467.474
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	158.562.183.073	178.983.300.418
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	178.587.504.167	19.473.137.820
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16.	3.693.237.177	5.480.867.947
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	10.902.976.565	670.264.243
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	10.664.527.754	1.601.318.589
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	85.791.940.177	51.183.091.449
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		429.590.258	896.487.008
II. Nợ dài hạn	330		5.587.525.180	2.773.225.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	5.587.525.180	2.773.225.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.235.569.458	278.272.104.431
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	269.235.569.458	278.272.104.431
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(21.107.350.742)	(21.098.433.409)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.516.005.497	11.543.623.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.877.083.335	5.719.853.865
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		638.922.162	5.823.769.272
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		723.455.053.809	539.333.796.905

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	407.176.539.775	496.893.847.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		407.176.539.775	496.893.847.065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	380.162.678.040	462.040.086.161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.013.861.735	34.853.760.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.802.695.581	6.965.901.090
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	5.549.510.898	2.270.983.231
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.549.510.898	2.270.983.231
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	22.846.066.878	33.027.535.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		420.979.540	6.521.143.583
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	670.417.866	3.620.510.360
12. Chi phí khác	32	VI.6.	325.104.314	146.951.297
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		345.313.552	3.473.559.063
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		766.293.092	9.994.702.646
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	127.370.930	4.170.933.374
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		638.922.162	5.823.769.272

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2017	Năm 2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		766.293.092	9.994.702.646
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.919.175.913	4.601.315.052
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.837.126.408)	(6.809.139.898)
-	Chi phí lãi vay	06		5.549.510.898	2.270.983.231
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.397.853.495	10.057.861.031
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(37.170.154.486)	25.063.466.931
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.457.918.572	51.591.313.221
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		148.731.077.134	(209.256.386.791)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		89.146.763	6.766.283.427
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(5.549.510.898)	(2.270.983.231)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.323.448.147)	(2.355.514.258)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(475.814.083)	(1.051.030.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		114.157.068.350	(121.454.989.670)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.600.190.365)	(187.409.388)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		68.181.818	1.255.505.455
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.300.000.000)	(500.000.000)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.932.000.000)	(24.048.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		3.288.520.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.802.695.581	6.946.869.075
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.672.792.966)	(16.533.034.858)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		222.426.283.968	210.642.570.908
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(185.003.135.060)	(210.592.316.727)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.423.148.908	50.254.181
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		138.907.424.292	(137.937.770.347)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.626.978.203	156.564.748.550
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	157.534.402.495	18.626.978.203

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Lê Hoài Thu

Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 ngày 14 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động kinh doanh khác./.

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom đối với cổ phiếu của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam (MCK:PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 đồng chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (trong đó: Số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Cấu trúc doanh nghiệp****a) Danh sách các công ty con, công ty liên kết****a1) Danh sách các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Số 18, ngõ 4 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng các công trình	75,5%	75,5%	75,5%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	62,83%	62,83%	62,83%

a2) Danh sách các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh	Cung cấp gạch trung áp các loại	43,83%	43,83%	43,83%
2. Công ty CP Các giải pháp nội thất	Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	50%	50%	50%

b) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân**Thông tin về Chi nhánh:**

Công ty có một chi nhánh là:

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, địa chỉ: Số 96/108 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, mã số Chi nhánh: 0100109674-001

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết**Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm: chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 - 36 tháng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay của Công ty tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay***Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hợp đồng xây dựng được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	157.089.373.592	18.201.978.203
<i>Tiền mặt</i>	<i>475.347.396</i>	<i>131.193.401</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>156.614.026.196</i>	<i>18.070.784.802</i>
VND	156.614.026.196	18.070.784.802
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội</i>	<i>8.946.135.964</i>	<i>6.340.816.914</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình</i>	<i>137.954.372.043</i>	<i>11.268.131.384</i>
<i>Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Mỹ Đình</i>	<i>9.376.944.237</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long</i>	-	<i>51.199.535</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn</i>	<i>336.573.952</i>	<i>410.636.969</i>
Các khoản tương đương tiền	445.028.903	425.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (*)	445.028.903	425.000.000
Cộng	157.534.402.495	18.626.978.203

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được đảm bảo cho khoản ký quỹ đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với giá trị 425.000.000 đồng.

2. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch	56.509.200.386	-	-	-
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu	29.873.102.128	-	32.665.487.972	-
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	9.521.191.280	-	24.133.873.000	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	6.508.931.900	-	15.220.837.000	-
Trường Đại học Y tế công cộng	5.148.322.000	-	13.272.322.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.417.781.986	-	13.228.781.986	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	30.999.977.974	-	5.986.719.845	-
Kho bạc Nhà nước TP Hồ Chí Minh	21.850.876.000	-	8.094.410.200	-
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	4.809.461.000	-	-	-
Các đối tượng khác	23.803.298.335	-	48.435.171.539	-
Cộng	195.442.142.989	-	161.037.603.542	-

(*) Giá trị của khoản phải thu dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 110.402.207.723 VND

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	179.976.580.000	-	179.976.580.000	177.833.100.000	-	177.833.100.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (2)	170.916.580.000	-	170.916.580.000	165.484.580.000	-	165.484.580.000
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	-	-	-	3.288.520.000	-	3.288.520.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.800.000.000	3.721.124.388	27.078.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (3)	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
Công ty CP Các giải pháp nội thất (4)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000	-	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (5)	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (6)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	216.977.080.000	3.721.124.388	213.255.955.612	210.333.600.000	3.721.124.388	206.612.475.612

(*) Giá trị của khoản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 122.378.880.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*Chi tiết khoản đầu tư

(1) Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	75,50 %	75,50 %
- Quyền biểu quyết	75,50 %	75,50 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Hồng Hà Hà Nội: nhà thầu xây lắp.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty CP Hồng Hà Hà Nội có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

(2) Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	62,83 %	62,44 %
- Quyền biểu quyết	62,83 %	62,44 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: KĐT Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: nhà thầu xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài

(3) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	43,83 %	43,83 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	43,83 %	43,83 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: cung cấp gạch khí trung áp các loại.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí là 3.721.124.388 đồng.

(4) Công ty CP Các giải pháp nội thất

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	50,00 %	0 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	50,00 %	0 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

Công ty mới thành lập nên chưa có giao dịch với Công ty.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***(5) Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào**

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	19,05 %	19,05 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	19,05 %	19,05 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An.
 Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào nên chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(6) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	9,98 %	9,98 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	9,98 %	9,98 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	3.361.714.108
Ban Vật tư (Trương Trung Nghĩa)	6.928.184.972	50.220.548
Các đối tượng khác	424.285.942	545.406.932
Cộng	7.352.470.914	3.957.341.588

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	2.600.000.000	-	1.300.000.000	-
Cộng	57.600.000.000	55.000.000.000	56.300.000.000	55.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Khoản cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

- Hợp đồng vay vốn ngày 02/11/2017, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 8,4%/năm.

b) *Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	5.000.000	-	5.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	33.438.923	-	686.902.715	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	30.188.923	-	683.652.715	-
Các đối tượng khác	3.250.000	-	3.250.000	-
Các khoản phải thu khác	26.359.157.253	6.025.555.900	26.403.389.566	6.025.555.900
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	-	-	25.175.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Các đối tượng khác	549.511.363	-	568.568.676	-
Cộng	26.397.596.176	6.025.555.900	27.095.292.281	6.025.555.900

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận liên doanh ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tử Hiệp Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

(3) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

b) *Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng</i>				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Cộng	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	73.975.188.396	-	77.433.106.968	-
Cộng	73.975.188.396	-	77.433.106.968	-

(*) Giá trị của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 29.489.989.627 VND

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
<i>Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh</i>	3.119.055.511	3.112.934.951
Cộng	3.119.055.511	3.112.934.951

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2017	788.142.094	18.181.168.409	6.778.122.247	364.320.749	26.111.753.499
- Mua trong năm	-	6.166.502.150	351.353.028	110.645.454	6.628.500.632
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.430.827)	-	(34.430.827)
Số dư ngày 31/12/2017	788.142.094	24.347.670.559	7.095.044.448	474.966.203	32.705.823.304
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2017	377.571.368	11.782.392.890	2.050.393.098	364.320.749	14.574.678.105
- Khấu hao trong năm	70.661.459	1.904.577.273	913.202.181	30.735.000	2.919.175.913
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.430.827)	-	(34.430.827)
Số dư ngày 31/12/2017	448.232.827	13.686.970.163	2.929.164.452	395.055.749	17.459.423.191
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2017	410.570.726	6.398.775.519	4.727.729.149	-	11.537.075.394
- Tại ngày 31/12/2017	339.909.267	10.660.700.396	4.165.879.996	79.910.454	15.246.400.113

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 13.961.766.872 VND.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.385.871.895 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***11. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
Nguyên giá	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	2.000.000.000			2.000.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất	2.000.000.000			2.000.000.000

- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.000.000.000 VND).

12. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.088.138	31.433.174
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	16.088.138	31.433.174
b) Dài hạn	32.541.309.365	32.615.111.092
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	30.059.365	103.861.092
Cộng	32.557.397.503	32.646.544.266

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***13. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Số phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	85.791.940.177	85.791.940.177	217.687.517.788	183.078.669.060	51.183.091.449	51.183.091.449
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	-	-	126.770.570	138.685.570	11.915.000	11.915.000
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Mỹ Đình (1)	8.286.930.205	8.286.930.205	27.672.745.833	19.385.815.628	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	47.340.696.529	47.340.696.529	78.313.318.130	36.372.621.601	5.400.000.000	5.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình (3)	30.164.313.443	30.164.313.443	111.574.683.255	127.181.546.261	45.771.176.449	45.771.176.449
b) Vay dài hạn	5.587.525.180	5.587.525.180	4.738.766.180	1.924.466.000	2.773.225.000	2.773.225.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (4)	1.575.125.000	1.575.125.000	-	1.198.100.000	2.773.225.000	2.773.225.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (5)	4.012.400.180	4.012.400.180	4.738.766.180	726.366.000	-	-
Cộng	91.379.465.357	91.379.465.357	222.426.283.968	185.003.135.060	53.956.316.449	53.956.316.449

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

(1): Hợp đồng tín dụng số 158/IVBMD-HĐNH/2017 ngày 05/09/2017. Hạn mức cho vay 45.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 175 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn và phát hành bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 06D/2017/HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 09/03/2017. Tài sản đảm bảo là toàn bộ khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 06D/2017/HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 09/03/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 08/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 14/3/2017. Hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng gói thầu số 23: Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K5+780 đến K5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án K6+052 đến sông Cái - Công trình Nạo vét suối sân máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Biện pháp bảo đảm: Cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung. Tài sản bảo đảm bổ sung là Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 148/2016/HĐXD ngày 22/12/2016 về việc thi công gói thầu số 23 (Xây lắp): Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K5+780 đến K5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án (K6+052) đến sông Cái - Công trình: Nạo vét suối sân máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 10/2017-HĐTC/NHCT146-HONGHAVN ngày 16/3/2017 là: 16.268.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 34/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 30/06/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số 65/2017-HĐCV-SDDBS02/NHCT146-HONGHA-BQP ngày 08/09/2017. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/07/2018, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để thực hiện các phần việc của Hợp đồng thi công xây dựng số 80A-2017/HĐXD-BQL/New-HHVN -SH ngày 23/02/2017 về việc "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình" thuộc dự án "Xây dựng nhà ở xã hội để bán cho cán bộ sỹ quan thuộc tổng cục II - Bộ Quốc Phòng" công. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng bảo đảm số 18/2017-HĐTC.NHCT146-HONGHAVN ngày 30/12/2017.

- Hợp đồng tín dụng số 90/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 14/12/2017. Hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 25/08/2019, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để thực hiện các phần việc của Hợp đồng thi công xây dựng số 13-1/2017.HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 18/08/2018, các phụ lục kèm theo về việc thực hiện hạng mục "Thi công phần thô, phần hoàn thiện" công trình Nhà CT11, CT12, CT13 thuộc dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại giai đoạn I tại địa điểm Ô đất N01B và N02, KĐT mới Từ Hiệp. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng bảo đảm số 94/2017-HĐTC.NHCT146-HONGHAVN tháng 12 năm 2017.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 58757.16.003.5466.TD ngày 20/9/2016. Hạn mức công trình: 80.000.000.000 đồng; doanh số cho vay tối đa: 400.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng bằng thời hạn đến trước trong 02 thời hạn: hoặc đến hết ngày 24/5/2017 hoặc tối đa không quá 03 tháng so với thời hạn thi công công trình theo xác nhận của Chủ đầu tư. Lãi suất áp dụng theo văn bản nhận nợ với MB. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/02/2015 đã ký với Ban quản lý dự án Y tế trọng điểm. Tài sản đảm bảo là: 01 ô tô Mercedes-benz BKS 30A-75639; 8.158.000 cổ phiếu tại Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, giá trị được định giá là 81,58 tỷ đồng; quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/2/2015 về việc thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 148.14.003.5466.TD ngày 05/01/2015. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu số 3XD - Khối lớp học, giảng đường, hội trường, thư viện, hành chính thuộc Dự án Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty với giá trị bảo đảm tối đa: 1.954.000.000 đồng, 01 xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ BKS 29A-67273 với giá trị bảo đảm tối đa: 103.200.000 đồng; 01 xe ô tô Honda Accord 05 chỗ BKS 29A-673.01 với giá trị bảo đảm tối đa 25.200.000 đồng; cổ phiếu tại Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà dầu khí thuộc sở hữu của Công ty với giá trị bảo đảm tối đa: 40.790.000.000 đồng; Khoản phải thu từ Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014; và toàn bộ giá trị sản lượng dở dang và khoản phải thu từ các công trình MB tài trợ với giá trị bảo đảm tối đa: 144.420.000.000 đồng.

(4) Khoản vay ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay.

(5) Khoản vay dài hạn ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số 23/2017-HĐTDTH/NHCT146-HONG HA VN ngày 17/05/2017. Hạn mức tín dụng 8.150.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay để đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là ô tô THACO 2,4 tấn màu xanh, 02 cầu tháp Zoomlion và ống thép, khóa giáo - Xi nghiệp quản lý và khai thác thiết bị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***14. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Nguyễn Sơn Cương	4.053.211.361	4.053.211.361	7.349.521.887	7.349.521.887
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	10.356.993.193	10.356.993.193	15.182.644.770	15.182.644.770
Lê Quốc Tuấn	12.316.077.012	12.316.077.012	17.613.082.921	17.613.082.921
Lưu Hoàng Long	228.258.490	228.258.490	3.731.038.288	3.731.038.288
Lê Văn Hùng	9.455.646.043	9.455.646.043	12.556.413.536	12.556.413.536
Ban Vật Tư (Trương Trung Nghĩa)	60.255.097.798	60.255.097.798	39.107.410.315	39.107.410.315
Phạm Sỹ Tôn	2.859.734.427	2.859.734.427	4.767.105.800	4.767.105.800
Cao Tiên Hưng	-	-	17.092.504.260	17.092.504.260
Nguyễn Phúc Thịnh	4.188.813.117	4.188.813.117	4.188.813.117	4.188.813.117
Nguyễn Anh Học	3.937.979.529	3.937.979.529	4.099.760.212	4.099.760.212
Phạm Vinh Hiến	4.877.750.653	4.877.750.653	3.691.578.248	3.691.578.248
Vũ Anh Tuấn	5.010.981.682	5.010.981.682	992.868.566	992.868.566
Nguyễn Hồ Vinh	2.237.417.854	2.237.417.854	2.904.304.065	2.904.304.065
Nguyễn Thăng Long	1.514.475.619	1.514.475.619	1.668.524.079	1.668.524.079
Các đối tượng khác	37.269.746.295	37.269.746.295	44.037.730.354	44.037.730.354
Cộng	158.562.183.073	158.562.183.073	178.983.300.418	178.983.300.418

*b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2***15. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Bệnh viện Việt Đức	174.505.822.300	18.505.567.300
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	3.947.281.640	-
Trường đại học điều dưỡng Nam Định	123.051.000	83.942.000
Bệnh viện K	-	791.568.893
Các đối tượng khác	11.349.227	92.059.627
Cộng	178.587.504.167	19.473.137.820

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	3.281.748.535	9.903.157.477	9.624.362.119	3.560.543.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.170.933.374	250.910.732	2.323.448.147	98.395.959
Thuế thu nhập cá nhân	28.186.038	442.995.886	436.884.599	34.297.325
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.120.560	6.120.560	-
Các loại thuế khác	-	158.362.810	158.362.810	-
Cộng	5.480.867.947	10.761.547.465	12.549.178.235	3.693.237.177

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND

Ngắn hạn

Trích trước chi phí công trình:

Kho bạc Nhà nước - Phù Cù Hương Yên

525.246.000 -

Nhà ở xã hội Bộ Quốc Phòng

9.557.782.657 -

BV Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu

819.947.908 -

Các công trình khác

- 670.264.243

Cộng**10.902.976.565** **670.264.243****18. Phải trả khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND

Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn

197.879.150 236.392.240

Bảo hiểm y tế

2.294.531 -

Các khoản phải trả, phải nộp khác

10.464.354.073 1.364.926.349

Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công

200.012.008 200.012.008

Cổ tức phải trả

9.727.381.000 677.381.000

Các khoản phải trả, phải nộp khác.

536.961.065 487.533.341

Cộng**10.664.527.754** **1.601.318.589**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	8.642.252.562	247.249.724.444
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.823.769.272	5.823.769.272
Giảm trong năm nay	-	-	(9.130.791)	-	(9.130.791)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(2.922.398.697)	(2.922.398.697)
Số dư ngày 01/01/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	11.543.623.137	250.141.964.228
Lãi trong năm	-	-	-	638.922.162	638.922.162
Giảm trong năm nay	-	-	(8.917.333)	-	(8.917.333)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.050.000.000)	(9.050.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(493.000.000)	(493.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(123.539.802)	(123.539.802)
Số dư ngày 31/12/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.107.350.742)	2.516.005.497	241.105.429.255

(*) Giảm khác là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo Quyết định số 63996/QĐ-CT-TTr3 ngày 26/09/2017 về việc xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế.

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	19.668.000.000	19.668.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (*)	19.000.000.000	19.000.000.000
ASEAN DEEP VALUE FUND	40.640.500.000	40.640.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	120.691.500.000	120.691.500.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

(*) Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.900.000 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.050.000.000	-

19.4. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	-	-	23.897.888.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	28.130.140.203	-	-	28.130.140.203

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.993.608.229	6.579.951.171
Doanh thu hợp đồng xây dựng	404.182.931.546	489.558.390.439
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	755.505.455
Cộng	407.176.539.775	496.893.847.065

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.120.468.860	5.007.423.957
Giá vốn hợp đồng xây dựng	377.042.209.180	456.113.570.204
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	919.092.000
Cộng	380.162.678.040	462.040.086.161

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	288.215.581	375.816.090
Cổ tức, lợi nhuận được chia	603.000.000	6.590.085.000
Lãi do bán khoản đầu tư (*)	911.480.000	-
Cộng	1.802.695.581	6.965.901.090

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 29/2017/HĐCNCP ngày 18/08/2017 giữa Công ty CP Hồng Hải Việt Nam và ông Nguyễn Kim Long, bà Nguyễn Thúy Nga với giá trị chuyển nhượng là 4.200.000.000 đồng.

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	5.549.510.898	2.270.983.231
Cộng	5.549.510.898	2.270.983.231

5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản	68.181.818	6.825.353
Xử lý công nợ không phải trả	602.236.048	3.265.741.627
Thu phạt người lao động làm mất tài sản cố định	-	347.943.380
Cộng	670.417.866	3.620.510.360

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý nợ không thu được	-	73.870.197
Giá trị còn lại của TSCĐ bị mất	-	73.081.100
Chi phí phạt hành chính	245.454.545	-
Chi phí khác	79.649.769	-
Cộng	325.104.314	146.951.297

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.964.862.305	14.741.599.787
Chi phí đồ dùng văn phòng	378.395.582	1.241.135.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	992.071.800	962.522.573
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí tổn thất của hợp đồng chuyển nhượng vốn	-	6.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.514.967.816	7.426.387.313
Chi phí bằng tiền khác	2.991.769.375	2.651.889.725
Cộng	22.846.066.878	33.027.535.180

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.880.625.944	371.862.052.369
Chi phí nhân công	57.927.173.813	64.693.025.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.919.175.913	4.601.315.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.479.162.695	17.374.696.389
Chi phí bằng tiền khác	47.809.179.729	55.083.294.883
Cộng	440.015.318.094	513.614.384.678

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	409.649.653.222	506.724.753.060
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	408.486.210.574	500.134.668.060
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	1.163.442.648	6.590.085.000
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	408.883.360.130	496.566.463.869
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	407.849.355.923	479.116.414.643
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	1.034.004.207	17.450.049.226
Kết chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh Bất động sản	-	(163.586.545)
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	636.854.651	20.854.666.872
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	636.854.651	20.854.666.872
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	127.370.930	4.170.933.374
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	123.539.802	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	250.910.732	-
Hoạt động kinh doanh Bất động sản		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	755.505.455
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	919.092.000
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(163.586.545)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Kết chuyển lỗ cho hoạt động kinh doanh thông thường	-	163.586.545
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	2.922.398.697
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	250.910.732	7.093.332.071

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	222.426.283.968	210.642.570.908
2) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	185.003.135.060	210.592.316.727

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Đầu tư vào đơn vị khác

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng	3.317.962.921	40.662.704.463
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.317.962.921	38.928.718.305
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	-	1.733.986.158

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Bán hàng	159.851.180.712	57.112.498.750
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	25.000.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	159.826.180.712	57.112.498.750
Nhận cổ tức	453.000.000	6.440.085.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	453.000.000	906.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	5.534.085.000
c) Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	30.999.977.974	5.986.719.845
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	30.999.977.974	5.986.719.845
Trả trước cho người bán	-	3.559.663.308
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	3.361.714.108
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	-	197.949.200
Phải thu về cho vay	2.600.000.000	1.300.000.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	2.600.000.000	1.300.000.000
Phải thu khác	6.025.555.900	6.050.730.900
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	-	25.175.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900
Phải trả người bán	10.362.746.368	16.483.921.745
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	10.356.993.193	15.311.093.970
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	5.753.175	16.711.832
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	-	1.156.115.943
Người mua trả tiền trước	3.947.281.640	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	3.947.281.640	-
c) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương, thưởng, phụ cấp	2.512.500.000	1.957.362.000
Cộng	2.512.500.000	1.957.362.000

1. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	91.379.465.357	53.956.316.449
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	157.534.402.495	18.626.978.203
Nợ thuần	(66.154.937.138)	35.329.338.246
Vốn chủ sở hữu	269.235.569.458	278.272.104.431
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,25)	0,13
Cộng	451.994.500.172	386.184.737.329

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.534.402.495	18.626.978.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.814.183.265	127.107.339.923
Các khoản đầu tư tài chính	6.200.500.000	6.200.500.000
Cộng	324.549.085.760	151.934.818.126
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	91.379.465.357	53.956.316.449
Phải trả người bán và phải trả khác	169.226.710.827	180.584.619.007
Chi phí phải trả	10.902.976.565	670.264.243
Cộng	271.509.152.749	235.211.199.699

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	169.226.710.827	-	169.226.710.827
Chi phí phải trả	10.902.976.565	-	10.902.976.565
Các khoản vay	85.791.940.177	5.587.525.180	91.379.465.357
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	180.584.619.007	-	180.584.619.007
Chi phí phải trả	670.264.243	-	670.264.243
Các khoản vay	51.183.091.449	2.773.225.000	53.956.316.449

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.534.402.495	-	157.534.402.495
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.814.183.265	-	160.814.183.265
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.626.978.203	-	18.626.978.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.107.339.923	-	127.107.339.923
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu



Phạm Thị Cẩm Anh

